

Bản án số: 14/2024/HNGĐ-ST
Ngày 30 - 8 - 2024
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thủy;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Tạng và bà Lê Thị Anh Thư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Hoà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2024/QQĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đức H, sinh năm 1992; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam; chỗ ở hiện nay: chỗ ở: Osakafu Tondabayashi K, J (Nhật Bản); có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Kiều Thị B, sinh năm 1999; quê quán: Thôn T, xã Đ, huyện Ứ, Thành phố Hà Nội; nơi ĐKKHKT: Thôn P, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam; chỗ ở: E, đường A, phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; đồng thời là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn để giao, nhận tài liệu, văn bản tố tụng của Tòa án: Bà Dư Thị T, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Anh Nguyễn Đức H và chị Kiều Thị B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam

ngày 04 tháng 01 năm 2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc tại thôn P, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam. Do trước khi kết hôn, anh H làm việc tại Nhật Bản nên sau khi kết hôn khoảng thời gian ngắn, anh H tiếp tục sang Nhật Bản làm việc; tháng 9 năm 2019, anh H làm thủ tục đón chị B sang Nhật Bản để vợ chồng chung sống. Sau khi chị B sinh cháu Nguyễn Đức H1 được 06 tháng thì đi làm và vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cách chăm sóc, nuôi dạy con chung nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Tháng 8 năm 2022, vợ chồng cho cháu H1 về Việt Nam nhờ ông bà nội chăm sóc và vợ chồng nói chuyện với nhau để cùng xây dựng hạnh phúc; tuy nhiên, chị B đòi ly hôn, đồng thời tự bỏ đi, cắt đứt mọi liên lạc với anh H. Đến tháng 4 năm 2023, chị B điện thoại cho anh H nói cho về Việt Nam và tháng 5 năm 2023, anh H làm thủ tục cho chị B về Việt Nam; từ đó, vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm tới ai. Nay anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung, vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Đức H1, sinh ngày 26 tháng 10 năm 2020. Hiện tại cháu H1 đang ở với bà Dư Thị T (Bà nội). Nếu ly hôn, anh Nguyễn Đức H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Đức H1 cho đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi, trưởng thành và tự lập; đồng thời, không yêu cầu chị Kiều Thị B cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm thời anh H uỷ quyền cho bà Dư Thị T (Mẹ đẻ anh H) chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H1 trong thời gian anh H lao động tại Nhật Bản đến khi anh H hết hạn lao động, trở về Việt Nam anh H tiếp tục nuôi cháu H1 theo quy định.

Về tài sản chung, công nợ anh Nguyễn Đức H xác định không có và không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về công sức đóng góp và các vấn đề khác anh Nguyễn Đức H không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quan điểm của bà Dư Thị T xác định: Toàn bộ các tài liệu mà Toà án giao bà T để chuyển anh Nguyễn Đức H, bà T đã chuyển cho anh H theo đúng quy định và hiện tại bà T đang nuôi cháu Nguyễn Đức H1 từ tháng 8 năm 2022 cho đến nay. Tại phiên tòa bà T nhất trí tiếp tục nuôi cháu H1 đến khi anh H về Việt Nam, bà T trao trả cháu H1 cho anh H theo quy định. Bà T không yêu cầu anh H và chị B hoàn trả các chi phí nuôi cháu Nguyễn Đức H1.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa xác định: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng bị đơn có tình không chấp hành Giấy triệu tập của Toà án; dẫn đến Toà án phải tiến hành niêm yết công khai tại nơi bị đơn tạm trú; tuy nhiên, bị đơn vẫn vắng mặt nên Toà án tiến hành xét xử theo thủ tục chung là đúng quy định của pháp luật. Hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 123 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử lý hôn nhân giữa anh Nguyễn Đức H và chị Kiều Thị B.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đức H1, sinh ngày 26 tháng 10 năm 2020 cho anh Nguyễn Đức H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và tạm giao cho bà Dư Thị T nuôi dưỡng cháu H1 trong thời gian anh H lao động xuất khẩu tại Nhật Bản đến khi anh H về Việt Nam, bà T có trách nhiệm giao lại cháu H1 cho anh H nuôi dưỡng theo quy định. Chị Kiều Thị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí ly hôn sơ thẩm, anh H phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến trình bày của đương sự có mặt tại phiên toà và nghe Kiểm sát viên phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, do chị Kiều Thị B cố tình không chấp hành Giấy triệu tập của Toà án nên Toà án đã tiến hành niêm yết công khai các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật; tuy nhiên, chị B vẫn vắng mặt không có lý do. Đối với anh Nguyễn Đức H có đơn đề nghị được giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Kiều Thị B và Nguyễn Đức H theo quy định chung.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án, yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Đức H về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con có yếu tố nước ngoài và trước khi Toà án thụ lý giải quyết vụ án thì chị Kiều Thị B có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân, anh Nguyễn Đức H và chị Kiều Thị B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam ngày 04 tháng 01 năm 2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn tại thôn P, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam thì anh H sang Nhật Bản làm việc. Đến tháng 9 năm 2019, anh H làm thủ tục để chị B sang Nhật Bản cùng chung sống với anh H và vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc tại Nhật Bản được thời gian đầu. Sau khi chị B sinh cháu Nguyễn Đức H1 được 06 tháng, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cách chăm sóc, nuôi dạy con chung; dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Đến tháng 8 năm 2022, vợ chồng cho cháu H1 về Việt Nam nhờ ông bà nội chăm sóc; từ đó, chị B đòi ly hôn, đồng thời cắt đứt mọi liên lạc với anh H và tháng 5 năm 2023, anh H làm thủ tục cho chị B về Việt Nam, vợ chồng chính thức sống ly thân, không quan tâm tới nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Xét hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho ly hôn giữa anh Nguyễn Đức H và chị Kiều Thị B là phù hợp pháp luật.

[4] Về con chung: Hiện tại cháu Nguyễn Đức H1 đang được bà Dư Thị T (Bà nội) chăm sóc, nuôi dưỡng; anh H đang lao động tại Nhật Bản còn chị B đang ở Thành phố Hồ Chí Minh và không liên lạc với gia đình cũng như cháu H1. Vì vậy, để bảo đảm quyền lợi của con chưa thành niên, Hội đồng xét xử giao cháu H1 cho anh Nguyễn Đức H nuôi dưỡng, chăm sóc. Do anh H đang lao động tại Nhật Bản nên tạm giao cháu H1 cho bà Dư Thị T nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi anh H về Việt Nam, bà T có trách nhiệm giao lại cháu H1 cho anh H nuôi dưỡng theo quy định. Do bà Dư Thị T không yêu cầu anh H, chị B trả chi phí tiền nuôi dưỡng cháu H1 và H không đề nghị chị B cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét; sau này, có phát sinh, đương sự được quyền khởi kiện thành vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác anh Nguyễn Đức H đều không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Nguyễn Đức H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm c khoản 1 Điều 37; Điều 144; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 280 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 123 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử lý hôn giữa anh Nguyễn Đức H và chị Kiều Thị B .

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đức H1, sinh ngày 26 tháng 10 năm 2020 cho anh Nguyễn Đức H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi và lao động tự lập được. Chị Kiều Thị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tạm giao cháu Nguyễn Đức H1 cho bà Dư Thị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi anh Nguyễn Đức H về Việt Nam sinh sống, bà T có trách nhiệm giao lại cháu H1 cho anh H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy định.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Buộc anh Nguyễn Đức H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà anh Nguyễn Đức H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000025 ngày 22 tháng 02 năm 2024, tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; nguyên đơn vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định; bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Phòng KTNV & THAHS Toà án tỉnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam;
- UBND xã Tượng Lĩnh, huyện Kim Bảng;
- Các đương sự;
- Bộ phận HCTP;
- Toà dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Đức Thủy